SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

B24.648/TTQT 1103

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 09/12/2024
Trang (Page): **01/02**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *28/11/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. Amoni (NH_4^+ tính theo N)* *Aminonium (NH_4^+ according to N)*	mg/l	TCVN 6179-1 : 1996	KPH (<1,00)
2. BOD_5 *Biological oxygen demand*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. Sunfua (S^{2-}) *Sunfur*	mg/l	SMEWW 4500 S^{2-}.B&D:2023	KPH (<0,12)
4. Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)* *Phosphate (PO_4^{3-} according to P)*	mg/l	TCVN 6202 : 2008	6,21
5. Nitrat (NO_3^- tính theo N)* *Nitrate (NO_3^- according to N)*	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	24
6. Dầu mỡ động thực vật *Vegetable oils and fats*	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2023	KPH (<3,0)
7. T – Coliform *Total Coliform*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	(-) (<2,0)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.648/TTQT 1103

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 09/12/2024
Trang (Page): **02/02**

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8. Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids*	mg/l	SOP – PQT - 44	713
9. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)* *Total suspended solids*	mg/l	TCVN 6625 : 2000	30
10. pH		TCVN 6492 : 2011	6,5
11. Chất hoạt động bề mặt** *Surfactank*	mg/l	SMEWW 5540B & C:2017	0,18

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h50/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 09h50.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.* (-): Âm tính/ *Negative.*

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
VHEAD ANALYSIS DIVISION

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.648/TTQT 1102

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 09/12/2024
Trang (Page): **01/01**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *28/11/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. COD *Chemical oxygen demand*	mg/l	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h50/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 09h50.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION

Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt